

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 36/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân
sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách Trung ương năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét Tờ trình số 334/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 36/NQ-HĐND

ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 89/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 như sau:

“2. Thu, chi ngân sách địa phương

a) Thu ngân sách địa phương

Tổng nguồn thu ngân sách địa phương năm 2022 là 13.098,623 tỷ đồng.
Bao gồm:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 7.914,600 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.184,023 tỷ đồng.
- + Thu bổ sung cân đối ngân sách: 3.226,127 tỷ đồng.
- + Thu bổ sung có mục tiêu: 1.957,896 tỷ đồng.

b) Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là 13.099,523 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 11.141,627 tỷ đồng. Bao gồm:
 - + Chi đầu tư phát triển: 2.870,242 tỷ đồng.
 - + Chi thường xuyên: 8.047,570 tỷ đồng, trong đó:
 - . Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 3.412,705 tỷ đồng;
 - . Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 36,117 tỷ đồng;
 - + Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính: 1,000 tỷ đồng.
 - + Dự phòng ngân sách: 222,815 tỷ đồng.
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 1.957,896 tỷ đồng. Bao gồm:
 - + Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1.070,454 tỷ đồng;

Phụ lục I
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	12.253.962	16.403.217	13.098.623	-3.304.594	79,85
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	9.440.000	7.266.734	7.914.600	647.866	108,92
-	Thu NSDP hưởng 100%	3.182.450	2.625.229	2.845.000	219.771	108,37
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	6.257.550	4.641.505	5.069.600	428.095	109,22
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.813.962	3.226.760	5.184.023	1.957.263	160,66
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.981.237	1.981.237	3.226.127	1.244.890	162,83
2	Thu bổ sung có mục tiêu	832.725	1.245.523	1.957.896	712.373	157,19
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		341.600		-341.600	
IV	Thu kết dư		430.789		-430.789	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.137.334		-5.137.334	
B	TỔNG CHI NSDP	12.255.562	16.114.479	13.099.523	-3.014.956	81,29
I	Tổng chi cân đối NSDP	11.422.837	15.260.885	11.141.627	-4.119.258	73,01
1	Chi đầu tư phát triển	2.973.942	4.810.733	2.870.242	-1.940.491	59,66
2	Chi thường xuyên	7.549.356	8.500.441	8.047.570	-452.871	94,67
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	100	100	0	-100	0,00
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	0	100,00
5	Dự phòng ngân sách	226.425	226.425	222.815	-3.610	98,41
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	672.014	1.722.186	0	-1.722.186	0,00
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	832.725	853.594	1.957.896	1.104.302	229,37
1	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	729.138	729.138	1.070.454	341.316	146,81
2	Vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định và một số CTMT	103.587	103.587	661.998	558.411	639,07
3	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	20.869	225.444	204.575	1080,28
a	Chương trình MTQG Nông thôn mới	0	20.869	199.400	178.531	955,48
	- Chi đầu tư phát triển		0	156.950	156.950	
	- Chi sự nghiệp		20.869	42.450	21.581	203,41
b	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	0	0	26.044	26.044	
	- Chi đầu tư phát triển		0	1.106	1.106	
	- Chi sự nghiệp		0	24.938	24.938	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NSDP	1.600		900	900	
D	BỘI THU NSDP		0		0	
E	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	3.200	3.200	3.900	700	121,88
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	3.200	3.200	3.900	700	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh		0	0	0	
G	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	4.800	5.300	4.800	-500	90,57
I	Vay để bù đắp bội chi	1.600	2.100	900	-1.200	
II	Vay để trả nợ gốc	3.200	3.200	3.900	700	

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	12.255.562	13.099.523	843.961	106,89
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.422.837	11.141.627	-281.210	97,54
I	Chi đầu tư phát triển (1)	2.973.942	2.870.242	-103.700	96,51
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.973.942	2.870.242	-103.700	96,51
-	Chi đầu tư XD CB vốn trong nước	622.342	622.342	0	100,00
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000	700.000	0	100,00
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.650.000	1.547.000	-103.000	93,76
-	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	1.600	900	-700	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	7.549.356	8.047.570	498.214	106,60
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.287.540	3.412.705	125.165	103,81
2	Chi khoa học và công nghệ	35.065	36.117	1.052	103,00
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	100		-100	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	0	100,00
V	Dự phòng ngân sách	226.425	222.815	-3.610	98,41
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	672.014		-672.014	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	832.725	1.957.896	1.125.171	235,12
I	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	729.138	1.070.454	341.316	146,81
II	Vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định và một số CTMT	103.587	661.998	558.411	639,07
III	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	225.444	225.444	
1	Chương trình MTQG Nông thôn mới	0	199.400	199.400	
	- Chi đầu tư phát triển		156.950	156.950	
	- Chi sự nghiệp		42.450	42.450	
2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	0	26.044	26.044	
	- Chi đầu tư phát triển		1.106	1.106	
	- Chi sự nghiệp		24.938	24.938	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

+ Vốn sự nghiệp để thực hiện các chính sách theo quy định và một số chương trình mục tiêu: 661,998 tỷ đồng;

+ Chi các Chương trình mục tiêu quốc gia: 225,444 tỷ đồng.

Với tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là 13.099,523 tỷ đồng phân theo khu vực chi như sau:

- Cấp tỉnh chi: 6.425,778 tỷ đồng;

- Cấp huyện và xã chi: 6.673,745 tỷ đồng”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh uỷ;
- UBND, UB. MTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình